

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG TỔNG HỢP 2**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

- Tên học phần:** Tiếng Trung tổng hợp 2
- Mã học phần:** TQUOC 122
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Trình độ:** Sinh viên đại học năm thứ 1 (Kỳ II)
- Phân bổ thời gian:**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Học sau học phần Tiếng Trung tổng hợp 1
- Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhoal1180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	lannguyen178@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Tiếng Trung tổng hợp 2 gồm 20 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Bài đọc: Cung cấp những mẫu câu, cách nói thường dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày với các chủ đề: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân.

- Từ mới: Cung cấp nghĩa và từ loại của các từ vựng có trong nội dung bài đọc và bài tập.

- Ngữ pháp: Cung cấp cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.

- Bài tập: Hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê, phát âm chính xác và sử dụng đúng các từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày trong học phần: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân.	2	[1.2.1.2. a]
MT1.2	Trình bày đúng các cấu trúc ngữ pháp trong các chủ đề giao tiếp hàng ngày trong học phần: Câu so sánh dùng 比、有/没有、跟....一样、不如、最、更, câu vô chủ, câu bị động, câu phản vấn, câu chữ 把, câu chữ 被, lượng từ lặp lại, hình dung từ lặp lại, cách diễn đạt động tác sắp xảy ra: 要了、就要....了、快要....了, trợ từ động thái “过、着”, cấu trúc 是.....的, cách dùng của các cấu trúc 越来越.....,越....越.....,不但....而且....., 一....就....., 只要....就.....,只要...才..., 一边....一边.....;先....再/又,...然后....., 最后....., 连...也/都..., cách biểu đạt số thứ tự và số ước lượng, cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn, cách dùng của bỏ ngữ động lượng, bỏ ngữ xu hướng, bỏ ngữ khả năng.	3	[1.2.1.2. a]
MT1.3	Sử dụng thành thạo các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu để diễn đạt các vấn đề có liên quan đến các chủ đề giao tiếp hàng ngày trong học phần bằng Tiếng Trung.	4	[1.2.1.2. a]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe hiểu được nội dung các đoạn hội thoại về các chủ đề giao tiếp trong học phần: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, du lịch, đi máy bay,	3	[1.2.2.1]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
	tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân.		
MT2.2	Đọc lưu loát, đọc thoại và hội thoại được bằng tiếng Trung về các chủ đề giao tiếp trên.	4	[1.2.2.1]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được phân công.	3	[1.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Xác định được các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu được dùng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày với các chủ đề trong học phần: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân.	3	[2.1.4]
CDR1.2	Có khả năng hiểu và sử dụng đúng các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu để diễn đạt quan điểm của mình về các vấn đề liên quan đến các chủ đề giao tiếp được học trong học phần.	4	[2.1.4]

CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Có khả năng sử dụng đúng các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu, các hiện tượng ngữ pháp để đặt câu, viết đoạn, viết về một chủ đề giao tiếp trong học phần.	3	[2.2.1]
CDR2.2	Có thể giao tiếp lưu loát, tự nhiên bằng tiếng Trung với các chủ đề trong học phần.	4	[2.2.1]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Tuân thủ đúng văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc trong thực hành kỹ năng đọc và biết gìn giữ văn hoá của Việt Nam trong giao tiếp hàng ngày và trong công việc.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CDR1		CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
1	第一课：我比你更喜欢音乐 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）比较句：“比”字句、A 有/没有 B（这么/那么）+形容词、“更”和“最” （二）数量补语 （三）感叹句 五、练习	x	x	x	x	x	x
2	第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）比较句：跟.....一样/不一样 （二）不但而且.... 五、练习	x	x	x	x	x	x
3	第三课：冬天要到了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法	x	x	x	x	x	x

	<p>(一) 变化的表达: 语气助词“了”</p> <p>(二) 动作即将发生</p> <p>(三) 状语与结构助词“地”</p> <p>(四) 无主语句</p> <p>五、练习</p>						
4	<p>第四课: 快上来吧, 要开车了</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法: 简单趋向补语</p> <p>五、练习</p>	X	X	X	X	X	X
5	<p>第五课: 我听过钢琴节奏曲《黄河》</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 经过和经验的表达: 动词+过</p> <p>(二) 动量补语</p> <p>(三) 序数的表达</p> <p>五、练习</p>	X	X	X	X	X	X
6	<p>第六课: 我是跟旅游团一起来的</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 是.....的</p> <p>(二) 一.....就.....</p> <p>(三) 形容词重叠</p> <p>五、练习</p>	X	X	X	X	X	X
7	<p>第七课: 我的护照你找到了没有</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 主谓谓语句 (2)</p> <p>(二) 结果补语: “在、着、好、成”</p> <p>五、练习</p>	X	X	X	X	X	X
8	<p>第八课: 我的眼镜摔坏了</p> <p>一、课文</p>	X	X	X	X	X	X

	二、生词 三、注释 四、语法 (一) 被动句 (二) 量词重叠 (三) 一年比一年 五、练习						
9	第九课：要是忘拔下来了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：复合趋向补语 五、练习	X	X	X	X	X	X
10	第十课：会议厅的门开着呢 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：动作和状态的持续：动词+着 五、练习	X	X	X	X	X	X
11	第十一课：前边开过来一辆空车 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 存现句 (二) “越来越……”和“越……越……” 五、练习	X	X	X	X	X	X
12	第十二课：为什么把“福”字倒贴在门上 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：“把”字句(1) 五、练习	X	X	X	X	X	X
13	第十三课：请把护照和机票给我 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法“把”字句(2) 五、练习	X	X	X	X	X	X

14	第十四课：我的腿被自行车撞伤了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）“被”字句 （二）又 五、练习	x	x	x	x	x	x
15	第十五课：京剧我看得懂，但是听不懂 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）可能补语（1） （二）动作能否发生或完成：动词+得/不+了 （三）空间能否容纳：动词+得/不+下 五、练习	x	x	x	x	x	x
16	第十六课：山这么高，你爬得上去吗 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）可能补语（2） （二）可能补语与状态补语 （三）只要.....就..... 五、练习	x	x	x	x	x	x
17	第十七课：我想起来了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）趋向补语与引申用法 （二）只要.....才..... 五、练习	x	x	x	x	x	x
18	第十八课：寒假你打算去哪儿旅行 一、课文 二、生词 三、注释	x	x	x	x	x	x

	四、语法 (一) 疑问代词的活用 (二) 一边.....一边..... (三) 先.....再(又),.....然后....., 最后..... 五、练习						
19	第十九课: 有困难找警察 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 无关联词语复句 (二) 状态补语(二) 五、练习	x	x	x	x	x	x
20	第二十课: 吉利的数字 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 反问句 (二) 连.....也/都..... (三) 强调肯定: 二次否定 五、练习	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành từ vựng, ngữ pháp trong giờ học, bài kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập thực hành từ vựng, ngữ pháp trong giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Hoàn thành các bài tập thực hành từ vựng, ngữ pháp trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	10%	
		1 điểm	10%	

2	Kiểm tra giữa học phần	01 Bài kiểm tra giữa học phần Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 Bài thi kết thúc học phần Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên là điểm đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học và mức độ hoàn thành bài tập trên lớp và giao về nhà.

- Điểm các bài tập thực hành từ vựng và ngữ pháp được đánh giá theo mức đúng sai, hình thức chữ viết.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm một trong các dạng câu dưới đây và tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phần từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- + Chọn đáp án đúng ABCD
- + Chọn từ điền thích hợp vào chỗ trống
- + Điền từ cho sẵn vào vị trí thích hợp
- + Sắp xếp từ thành câu
- + Sửa câu sai
- + Dịch Trung Việt - Việt Trung

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án của đề.

- Thi kết thúc học phần diễn sau khi kết thúc học phần (theo kế hoạch của phòng QLĐT). Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được phó bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm ngay trên giấy thi theo quy định chung của nhà trường. Nội dung thi kết thúc học phần gồm một trong các dạng câu dưới đây và tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phần từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- + Chọn đáp án đúng ABCD
- + Chọn từ điền thích hợp vào chỗ trống
- + Điền từ cho sẵn vào vị trí thích hợp
- + Sắp xếp từ thành câu
- + Sửa câu sai
- + Dịch Trung Việt - Việt Trung

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên đặt ra các vấn đề, hướng dẫn và kích thích sinh viên giải quyết. Giảng viên phát âm mẫu từ mới, cụm từ; hướng dẫn sinh viên phát âm và giải thích nghĩa của từ mới. Giảng viên trình bày phân tích các cấu trúc câu, các hiện tượng ngữ pháp, đưa ra các hoạt động thực hành kiến thức tại lớp phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép bài và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Giao nhiệm vụ cụ thể về nhà, có kiểm tra đánh giá trực tiếp trên lớp hoặc qua địa Gmail của giảng viên, của lớp.

- Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên theo cấp độ từ Nhớ - Biết - Vận dụng - Phân tích - Đánh giá - Sáng tạo, quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Trung trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc giao tiếp, tôn trọng nền văn hóa bản địa và nền văn hóa Trung Hoa. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu có liên quan đến chủ đề bài học trong học phần: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân....

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập trong giáo trình và nhiệm vụ giảng viên yêu cầu có liên quan đến nội dung bài học.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học, ghi chép và tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài và làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

* *Tài liệu bắt buộc:*

- [1] Trường Đại học Sao Đỏ: Giáo trình *Tiếng Trung Tổng hợp 2 (quyển 1)*
- [2] Trường Đại học Sao Đỏ: Giáo trình *Tiếng Trung Tổng hợp 2 (quyển 2)*

*** Tài liệu tham khảo:**

[3] 陈贤纯 - 编者, 汉语口语 345 (quyển 3), NXB Đại học Bắc Kinh, 2014

[4] 陈贤纯 - 编者, 汉语口语 345 (quyển 4), NXB Đại học Bắc Kinh, 2014

[5] Nguyễn Thu Hà, Giáo trình Hán ngữ Boya - Tập 2, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015

[6] Website: <http://www.dantiengtrung.com>

<http://tienghoa.net>

15. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	<p>第一课: 我比你更喜欢音乐</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “câu so sánh dùng 比 và 有/没有”, câu cảm thán, bỏ ngữ số lượng”. - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习 	2		[1],[4] [5],[6]	<p>- Đọc, tra từ điển</p> <p>Trang 1- 11 tài liệu [1] Trang 20 - 39, 57 - 67 tài liệu [4] Trang 8 - 13 tài liệu [5]</p> <p>-Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 14 - 20 tài liệu [1]</p>
2	<p>第二课: 我们那儿的冬天跟北京一样冷</p>	2		[1],[4] [5],[6]	<p>- Đọc, tra từ điển</p> <p>Trang 22-28,38-45 TL [1] Trang 3 - 56 tài liệu [4]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>第三课：冬天要到了</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “câu so sánh dùng 跟.....一样/不一样, cấu trúc 不但....而且....”. - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习 				<p>Trang 20 - 25 tài liệu [5]</p> <p>-Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 28 - 37 tài liệu [1]</p> <p>Trang 46 - 53 tài liệu [1]</p>
3	<p>第四课：快上来吧，要开车了</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “cách biểu đạt động tác xảy ra trong tương lai, câu vô chủ, trợ từ kết cấu 	2		<p>[1]</p> <p>[5]</p> <p>[6]</p>	<p>- Đọc, tra từ điển</p> <p>Trang 54 - 61 tài liệu [1]</p> <p>Trang 32 - 38 tài liệu [5]</p> <p>-Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 64 - 69 tài liệu [1]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>地” .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习 				
4	<p>第五课：我听过钢琴节奏曲《黄河》</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “trợ từ động thái 过, bỏ ngữ động lượng, cách biểu đạt số thứ tự” . - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 	2		<p>[1]</p> <p>[6]</p>	<p>- Đọc, tra từ điển Trang 70 - 80 tài liệu [1]</p> <p>-Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6]</p> <p>- Hoàn thành bài tập Trang 83 - 86 tài liệu [1]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	四、语法 五、练习				
5	第六课：我是跟旅游团一起来的 第七课：我的护照你找到了没有 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “câu 是....的, cấu trúc 一....就....., hình dung từ lặp lại, câu vị ngữ chủ vị, bổ ngữ kết quả “在、着、好、成”. - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法	2		[1],[3] [4],[5] [6]	- Đọc, tra từ điển Trang 88 - 95 tài liệu [1] Trang 105 - 112 TL [1] Trang 96 - 104 tài liệu [3] Trang 79 - 88, 120-130 tài liệu [4] -Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6] - Hoàn thành bài tập Trang 99 - 103 tài liệu [1] Trang 114 - 117 TL [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	五、练习				
6	<p>第八课：我的眼镜摔坏了</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “câu bị động, lượng từ lặp lại” . - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习 	2		[1] [5] [6]	<p>- Đọc, tra từ điển</p> <p>Trang 119 - 125 TL [1]</p> <p>Trang 39 - 44 tài liệu [5]</p> <p>-Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 128 - 131 TL [1]</p>
7	<p>第九课：要是忘拔下来了</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: bỏ ngữ xu hướng kép. - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn 	2		[1] [5] [6]	<p>- Đọc, tra từ điển</p> <p>Trang 133 - 140 TL [1]</p> <p>Trang 45 - 51 tài liệu [5]</p> <p>-Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 143 - 147 TL [1]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习				
8	Kiểm tra giữa học phần	2		[1]	- Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 1 đến bài 9 - Làm bài kiểm tra giữa học phần
9	第十课: 会议厅的门开着呢 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: trợ từ động thái “着”. - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词	2		[1],[3] [4],[5] [6]	- Đọc, tra từ điển Trang 149 - 154 TL [1] Trang 115 - 124 TL [3] Trang 10 - 19 tài liệu [4] Trang 14 - 19 tài liệu [5] -Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6] - Hoàn thành bài tập Trang 156 - 159 TL [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	三、注释 四、语法 五、练习				
10	第十一课：前边开过来一辆空车 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “câu tồn hiện, cấu trúc 越来越.....và 越....越....” - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	2		[2],[3] [5],[6]	- Đọc, tra từ điển Trang 1- 7 tài liệu [2] Trang 115-124, 173-181 tài liệu [3] Trang 14-19,32-38 TL [5] -Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6] - Hoàn thành bài tập Trang 9 - 13 tài liệu [2]
11	第十二课：为什么把“福”字倒贴在门上 第十三课：请把护照和机票给我 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ	2		[2],[3] [5],[6]	- Đọc, tra từ điển Trang 15-22,31-36 TL [2] Trang 32-41, 48-TL [3] Trang 64 - 77 tài liệu [5] -Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6] - Hoàn thành bài tập

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: chữ “把” . - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习</p>				<p>Trang 24 - 29 tài liệu [2] Trang 39 - 44 tài liệu [2]</p>
12	<p>第十四课:我的腿被自行车撞伤了</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “câu chữ 被, cách dùng 又” . - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p>	2		[2],[4] [5],[6]	<p>- Đọc, tra từ điển Trang 46 - 53 tài liệu [2] Trang 68 - 78 tài liệu [4] Trang 150 - 155 TL [5] -Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6] - Hoàn thành bài tập Trang 55 - 59 tài liệu [2]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习				
13	第十五课：京剧我看得懂，但是听不懂 第十六课：山这么高，你爬得上吗 Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “bỏ ngữ khả năng, so sánh bỏ ngữ khả năng và bỏ ngữ trạng thái, cấu trúc 只要....就....”. - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	2		[2],[3] [4],[5] [6]	- Đọc, tra từ điển Trang 61-70,79-85 TL [2] Trang 163 - 172 TL [3] Trang 1 - 9 tài liệu [4] Trang 52 - 55 tài liệu [5] -Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6] - Hoàn thành bài tập Trang 73 - 77 tài liệu [2] Trang 88 - 92 tài liệu [2]
14	第十七课：我想起来了	2		[2]	- Đọc, tra từ điển

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>第十八课：寒假你打算去哪儿旅行</p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “cách dùng mở rộng của bỏ ngữ xu hướng kép, cấu trúc 只要...才..., 一边...一边...;先.....再/又,...然后.....,最后....”.</p> <p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập.</p> <p>- Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>五、练习</p>			<p>[5]</p> <p>[6]</p>	<p>Trang 94 - 101 tài liệu [2]</p> <p>Trang 110- 116 TL [2]</p> <p>Trang 64 - 71 tài liệu [5]</p> <p>-Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 104 - 108 TL [2]</p> <p>Trang 119 - 122 TL [2]</p>
15	<p>第十九课：有困难找警察</p> <p>第二十课：吉利的数字</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: “câu phức không</p>	2		<p>[2]</p> <p>[5]</p> <p>[6]</p>	<p>- Đọc, tra từ điển</p> <p>Trang 124 - 130 TL [2]</p> <p>Trang 138 - 146 TL [2]</p> <p>Trang 142 - 149 TL [5]</p> <p>-Tìm tài liệu liên quan đến bài học tài liệu [6]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 132 - 136 TL [2]</p> <p>Trang 149 - 155 TL [2]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>có từ nói, bỏ ngữ trạng thái (2), câu phản vấn, cấu trúc 连...也/都....”.</p> <p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài hoàn thành bài tập.</p> <p>- Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>五、练习</p>				
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1] [2]	<p>- Ôn tập kiến thức về từ vựng và ngữ pháp trong học phần</p> <p>- Hoàn thành đề cương ôn tập và các nội dung được giao</p> <p>- Thi kết thúc học phần</p>

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên